

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/LĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v tranh chấp đòi tiền lương, tiền
bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Nguyễn Anh Thư – Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Bến Lức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 10/2023/TLST-LĐ ngày 10/4/2023 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội, đòi tiền lương, bồi thường chi phí đi lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà [Nguyễn Thị Thùy T](#), sinh năm 1992.

Địa chỉ: [Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang](#).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà [Nguyễn Thị Thanh T1](#), sinh năm 1966.
(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: [Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#).

(văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023)

- Bị đơn: [Công ty Cổ phần L](#).

Địa chỉ: [Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Lê T2](#) – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Lưu Phương M – Nhân viên công ty (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Huỳnh H – Giám đốc (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thủy T do Nguyễn Thị Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/9/2022, giữa Nguyễn Thị Thủy T và Công ty Cổ phần L ký Hợp đồng lao động số 00651/HĐLD/2022-1, loại hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 08/9/2022 đến hết ngày 07/9/2023). Theo hợp đồng lao động này, T đã làm việc ở công ty từ ngày 08/9/2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần L đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động. Do công ty không trả lương, nên người lao động là T đã nghỉ việc ở công ty từ tháng 12/2022 đến nay.

Ngôi ra, Công ty Cổ phần L không đóng bảo hiểm cho T từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Theo văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện B thì Công ty Cổ phần L nợ số tiền bảo hiểm chậm đóng là 5.857.280 đồng, tổng tiền lãi chậm đóng là 308.970 đồng. Tổng cộng là 6.166.250 đồng. Do đó, T khởi kiện yêu cầu:

Buộc Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho Nguyễn Thị Thủy T với số tiền là 6.166.250 đồng từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022.

Trả tiền lương tháng 12/2022 với số tiền là 7.232.367 đồng.

Bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2023, T rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 10.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần L do Nguyễn Lưu Phương M là người đại diện theo ủy quyền chỉ kiến trình bày trong hồ sơ như sau:

B xác định T chỉ làm việc tại Công ty như phía T trình bày. Do tình hình tài chính của Công ty đang khó khăn nên Công ty chưa đóng bảo hiểm xã hội, trả tiền lương cho T. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty xác

định số tiền nợ bảo hiểm xã hội, công ty sẽ chi trả số tiền công ty đã khấu trừ vào lương nhưng chưa đing 1 2.280.000 đồng.

Đối với số tiền lương tháng 12/2022 còn nợ 7.232.367 đồng và bồi thường chi phí đi lại với số tiền 10.000.000 đồng thì Công ty đồng ý thanh toán nhưng xin trả dần, mỗi tháng cộng chung với số tiền 2.280.000 đồng, cụ thể như sau:

Tháng 7/2023, trả 4.000.000 đồng.

Tháng 8/2023, trả 4.000.000 đồng.

Tháng 9/2023, trả 4.000.000 đồng.

Tháng 10/2023, trả 4.000.000 đồng.

Tháng 11/2023, trả 3.542.367 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) có ý kiến trình bày trong hồ sơ như sau:

Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) đã cung cấp số liệu Bảo hiểm xã hội của [Công ty Cổ phần L](#) và cung cấp thông tin tạm tính số phải đóng xác nhận chốt sổ Bảo hiểm xã hội của đơn vị nợ đến thời điểm hiện tại. Bảo hiểm xã hội không có yêu cầu khởi kiện gì trong vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án. [Bảo hiểm xã hội huyện B](#) đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu đòi bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút lại, việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Về yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ lương tháng 12/2022: Xét thấy, nguyên đơn bà [T](#) là người lao động thuộc [Công ty L](#) theo Hợp đồng lao động số 00651/HĐLĐ/2022_1 ngày 08/9/2022. Bà [T](#) trình bày phía [Công ty L](#) đã không thanh toán khoản lương tháng 12/2022 là 7.232.367 đồng. Bị đơn [công ty L](#) xác nhận bà [T](#) là công nhân của công ty, do tình hình tài chính của công ty gặp khó khăn nên chưa thanh toán lương tháng 12/2022 cho bà [T](#). Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu thanh toán lương tháng 12/2022 của bà [T](#) với số tiền lương là 7.232.367 đồng.

Về khoản tiền bảo hiểm xã hội: Xét thấy, theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội người sử

dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc [Công ty L](#) không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 cho bà [T](#) là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc theo bảng tạm tính của Bảo hiểm [xã hội huyện B](#) là 5.857.280 đồng. Đại diện [Công ty L](#) cung cấp bảng tự tổng hợp Bảo hiểm xã hội chưa đóng đối với bà [T](#). Tuy nhiên, bảng tính trên xác định sai số tiền tại mục mức đóng so với Bảng tạm tính chốt sổ Bảo hiểm xã hội của [Bảo hiểm xã hội B](#) cung cấp, đồng thời Công ty cũng không tiến hành tính số tiền công ty phải đóng cho người lao động. Từ đó không có căn cứ đối với số tiền [Công ty L](#) đưa ra. Do [Công ty L](#) chậm đóng Bảo hiểm xã hội nên phải chịu lãi chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm [xã hội huyện B](#), cụ thể theo bảng tạm tính đến tháng 6/2023 thì số lãi chậm đóng mà Công ty phải chịu là 308.970 đồng. Như vậy, [Công ty L](#) phải thực hiện đóng tiền bảo hiểm còn nợ cho bà [T](#) là 6.166.250 đồng gốc và tiền lãi.

Nguyên đơn yêu cầu [Công ty L](#) thanh toán khoản nợ ngay khi Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, [Công ty L](#) đề nghị được trả dần do tình hình tài chính của công ty đang gặp nhiều khó khăn. Trước đề nghị của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở xem xét. Từ những nhận định trên, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm, bồi thường chi phí đi lại, bị đơn có trụ sở chính tại [xã A, huyện B, tỉnh Long An](#). Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại”. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện, bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) khởi kiện tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại nên được xác định là nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xác định [Công ty Cổ phần L](#) là bị đơn. Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc ủy quyền của các đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà [Nguyễn Thị Thanh T1](#), Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) do bà [Nguyễn Lưu Phương M](#) là người đại diện theo ủy quyền đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 29/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà T rút yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện mà bà T đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T về việc tranh chấp đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội, thấy rằng:

[5.1] Đối với yêu cầu đòi tiền lương, thấy rằng:

Các đương sự thống nhất ngày 08/9/2022, giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và Công ty Cổ phần L có ký Hợp đồng lao động số 00651/HĐLD/2022-1, loại hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 08/9/2022 đến hết ngày 07/9/2023). Theo hợp đồng lao động này, bà T đã làm việc ở công ty từ ngày 08/9/2022. Do công ty không trả lương, nên người lao động là bà T đã nghỉ việc ở công ty từ tháng 12/2022 đến nay. Do các đương sự thừa nhận sự việc này, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L trả tiền lương còn nợ tháng 12/2022 với số tiền là 7.232.367 đồng. Bị đơn Công ty Cổ phần L đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm còn nợ, thấy rằng:

Công ty Cổ phần L thừa nhận không đóng bảo hiểm cho bà T từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Công ty Cổ phần L cũng đồng ý thanh toán tiền bảo hiểm cho bà T. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất số tiền bảo hiểm còn nợ phải thanh toán là bao nhiêu. Bà T yêu cầu Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Thùy T với số tiền là 6.166.250 đồng từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Ngược lại, tại Biên bản hòa giải ngày 04/7/2023, Công ty Cổ phần L xác định công ty nợ bảo hiểm chưa đóng của bà T là 2.280.000 đồng.

Để xác định số tiền nợ bảo hiểm, ngày 10/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã ban hành Công văn số 299/2023/CV-TA về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ gửi Bảo hiểm xã hội huyện B. Tại Công văn số 293/CV-BHXXH ngày 28/7/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B phúc đáp theo yêu cầu của Tòa án và tài liệu kèm theo thì Bảo hiểm xã hội huyện B xác định Công ty Cổ phần L có tham gia bảo hiểm theo Số sổ bảo hiểm là 7412237916 cho bà T gồm các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì công ty không đóng bảo hiểm đầy đủ cho bà T. Cụ thể, từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 thì Công ty Cổ phần L còn nợ Bảo hiểm xã hội huyện B tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng đến tháng 6/2023 là 6.166.250 đồng. Như vậy, việc Công ty Cổ phần L xác định số tiền nợ bảo hiểm chưa đóng là 2.280.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Công ty Cổ phần L có

nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền bảo hiểm chậm đóng và tiền lãi chậm đóng đến tháng 6/2023 là 6.166.250 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5.3] Về ý kiến xin trả dần của [Công ty Cổ phần L](#), thấy rằng:

Phía bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) xin trả dần với lý do tình hình tài chính của Công ty đang khó khăn. Tuy nhiên, pháp luật không quy định về việc trả dần, phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho [Công ty Cổ phần L](#) xin trả dần nên yêu cầu này của [Công ty Cổ phần L](#) là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: [Công ty Cổ phần L](#) phải chịu án phí trên số tiền lương còn nợ là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí không giá ngạch về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm còn nợ theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) không phải chịu án phí. Do bà [T](#) được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà [T](#).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 227, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 13, 20, 21, 90, 94, 95, 97, 168 Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89, 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) đối với bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) về việc yêu cầu bồi thường chi phí đi lại là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) với bị đơn [Công ty Cổ phần L](#) về tranh chấp đòi tiền lương và tiền bảo hiểm.
1. Buộc [Công ty Cổ phần L](#) có nghĩa vụ trả cho bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) 7.232.367 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền lương tháng 12/2022.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2.2. Buộc [Công ty Cổ phần L](#) có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm còn nợ (từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022) và tiền lãi chậm đóng đến tháng 6/2023 cho bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) với số tiền là 6.166.250 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

[Công ty Cổ phần L](#) còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm chậm đóng theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: [Công ty Cổ phần L](#) phải chịu 600.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Bà [Nguyễn Thị Thùy T](#) không phải chịu án phí. Do bà [T](#) được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà [T](#).

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư – Đào Bá Lộc

Hồ Thị Miên

